TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 15-01-2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

- Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10-12-2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 77/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Giáp Văn P, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ T, ấp S, xã S, huyện T, tỉnh T; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ T, ấp S, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Giáp Văn P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2019 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án anh Giáp Văn P trình bày:

Anh và chị A sống chung với nhau vào năm 2004 tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01-4-2008 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra gây gổ với nhau. Ngoài ra chị

A còn có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh trực tiếp bắt gặp tại nhà trọ nhưng không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh với chị A không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Giáp Thị Kiều H, sinh ngày 16-11-2005 và Giáp Gia B, sinh ngày 20-3-2015, hiện nay 02 con chung đang sống chung với vợ chồng. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu B và cháu H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn không như anh P trình bày mà do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà, không nói chuyện với nhau nhưng vẫn sinh hoạt bình thường; lý do không nói chuyện với nhau là do anh P muốn ly hôn để sống chung với người phụ nữ khác, chị có khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi nên mới xảy ra gây gổ với nhau. Nay anh P yêu cầu ly hôn nhưng giữa chị và anh P không có mâu thuẫn trầm trọng, chị vẫn còn tình cảm với anh P nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con như anh P trình bày là đúng, hiện 02 con đang sống chung nhà với vợ chồng; nếu phải ly hôn thì chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Giáp Văn P xin ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Giáp Văn P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-11-2019 anh Giáp Văn P có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được ly hôn với chị A; đồng ý giao hai con chung

cho chị A nuôi; anh cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con hàng tháng là 1.000.000 đồng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Giáp Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được ly hôn với chị A; đồng ý giao chị A tiếp tục nuôi 02 con chung, tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị A đồng ý ly hôn với anh Giáp Văn P; yêu cầu được nuôi 02 con chung, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản sơ thẩm số: 77/2019/HNGĐ-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

Về hôn nhân: Anh Giáp Văn P và chị Nguyễn Thị A thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Giáp Văn P và chị Nguyễn Thị A thỏa thuận chị A tiếp tục nuôi hai con chung tên Giáp Thị Kiều H, sinh ngày 16-11-2005 và Giáp Gia B, sinh ngày 20-3-2015; anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Qua làm việc với con chung tên Giáp Thị Kiều H yêu cầu được sống cùng chị A.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 đồng.

[5] Vế án phí cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm nên anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án sơ thẩm số: 77/2019/HNGĐ-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Giáp Văn P và chị Nguyễn Thị A. Sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Giáp Văn P và chị Nguyễn Thị A.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A tiếp tục nuôi hai con chung tên Giáp Thị Kiều H, sinh ngày 16-11-2005 và Giáp Gia B, sinh ngày 20-3-2015.

Anh Giáp Văn P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Giáp Văn P không thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh P còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Giáp Văn P và chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0015632 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai thu số: 0015993 ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện T, tỉnhTây Ninh;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Tuyền